

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: Phó Giáo sư**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Giáo dục học; Chuyên ngành: Giáo dục môi trường

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **KIỀU THỊ KÍNH**

2. Ngày tháng năm sinh: 11/02/1986; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh.; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: Không

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 18 Lê Duy Lương, Phường Hòa Phát, Quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Kiều Thị Kính, 18 Lê Duy Lương, Phường Hòa Phát, Quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại nhà riêng: Không có; Điện thoại di động: 0935 010 355;

E-mail: [ktkinh@ued.udn.vn](mailto:ktkinh@ued.udn.vn) hoặc [kieukinh@gmail.com](mailto:kieukinh@gmail.com)

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 8/2009 – đến tháng 9/2011: công tác tại Trung tâm Nghiên cứu Bảo vệ môi trường, Đại học Đà Nẵng;

- Từ tháng 10/2011 đến tháng 10/2012: Giảng viên tập sự tại Khoa Sinh Môi trường, trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
- Từ tháng 10/2012 đến tháng 10/2017: Giảng viên Khoa Sinh Môi trường, trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng;

- Từ tháng 10/2017 đến tháng 12/2020: Trưởng Bộ môn Khoa học Môi trường và Tài nguyên Sinh vật, Khoa Sinh – Môi trường, trường Đại học Sư Phạm – Đại học Đà Nẵng;

- Từ tháng 01/2021 đến nay (6/2023): Giảng viên Khoa Giáo dục Mầm non, trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên Khoa Giáo dục Mầm non, trường Đại học Sư Phạm – Đại học Đà Nẵng; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn Khoa học Môi trường và Tài nguyên Sinh vật, Khoa Sinh – Môi trường, trường Đại học Sư Phạm – Đại học Đà Nẵng

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Sư Phạm – Đại học Đà Nẵng

Địa chỉ cơ quan: 459 Tôn Đức Thắng, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng

Điện thoại cơ quan: 0236 3841 323

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 11 tháng 8 năm 2009; số văn bằng: 006238; ngành: Công nghệ môi trường; chuyên ngành: Công nghệ môi trường;

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 12 tháng 8 năm 2013; số văn bằng: 0004594; ngành: Công nghệ Môi trường; chuyên ngành: Công nghệ Môi trường;

Nơi cấp bằng Thạc sĩ (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng..

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 27 tháng 3 năm 2017; số văn bằng: CHIKANHAKU 164; ngành: Quản lý môi trường; chuyên ngành: Quản lý môi trường

Nơi cấp bằng Tiến sĩ (trường, nước): Trường Đại học Kyoto, Nhật Bản.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... ,  
ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: **Đại học Đà Nẵng**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: **Giáo dục học.**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Xuyên suốt trong quá trình công tác, nghiên cứu, học tập, tôi có 03 nghiên cứu chính:

- Hướng nghiên cứu chính thứ 1: **Giáo dục môi trường và giáo dục vì sự phát triển bền vững;**

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Hướng nghiên cứu chính thứ 2: **Đổi mới giáo dục đại học theo hướng phát triển bền vững;**

- Hướng nghiên cứu chính thứ 3: **Giáo dục môi trường vì sự phát triển cộng đồng.**

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) ..... NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng: **06**

+ Đề tài cấp Trường: **03**

+ Đề tài NCKH cấp Đại học Đà Nẵng: **01**

+ Đề tài NCKH cấp Bộ: **02**

- Đã công bố (số lượng) 26 bài báo khoa học, trong đó 07 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản: 06, trong đó 06 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

- Google Scholar link:

<https://scholar.google.com.vn/citations?user=J6h45oQAAAAJ&hl=en>

Tổng số lần được trích dẫn 132 và Chỉ số H-index = 5 và (tính đến ngày 19/6/2023)

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

STT	Danh hiệu	Nội dung	Số	Đơn vị cấp	Năm
1	Bài báo hay nhất	Bài báo hay nhất tại Hội nghị sinh viên nghiên cứu trao đổi khoa học Việt-Nhật		Bộ KH&CN Việt Nam VÀ VJSE (Vietnamese-Japanese Students' Scientific exchange meeting)	2015
2	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2020 - 2021	QĐ 1292/QĐ-ĐHSP ngày 04/8/2021	Trường Đại học Sư phạm – ĐHĐN	2021
3	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2021 - 2022	QĐ 983/QĐ-ĐHSP ngày 25/7/2022	Trường Đại học Sư phạm – ĐHĐN	2022

4	Bằng khen của UBND thành phố Đà Nẵng	Đã có bài báo khoa học xuất sắc được công bố trên các tạp chí khoa học uy tín	QĐ 791/QĐ-ĐHSP ngày 17/4/2023	UBND thành phố Đà Nẵng	2023
5	Bằng khen của trường ĐHSP	Đã đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động KH&CN năm 2022	QĐ 744/QĐ-ĐHSP ngày 04/5/2023	Trường Đại học Sư phạm – ĐHĐN	2023

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): *Không*

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Bản thân có đủ các tiêu chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục: Có lập trường, tư tưởng vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt; Có trình độ đào tạo đạt trình độ đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; Có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ của cơ quan và cấp trên giao phó; Có lí lịch bản thân rõ ràng, trong sạch;

- Thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục:

+ Luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của cơ quan, của địa phương.

+ Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự nhà giáo; tôn trọng nhân cách, đối xử công bằng và bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học.

+ Luôn dạy học và giáo dục theo đúng mục tiêu, nguyên lí, quy định của Chương trình giáo dục; Tích cực, chủ động, có trách nhiệm trong học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nêu gương tốt cho người học; Năng lực giảng dạy tốt, luôn hoàn thành tốt khối lượng giảng dạy, truyền được cảm hứng học tập, rèn luyện cho các thế hệ sinh viên, đặc biệt là sinh viên sư phạm.

+ Tích cực tham gia hướng dẫn luận văn thạc sĩ, khóa luận tốt nghiệp đại học, chú trọng kết hợp giảng dạy với nghiên cứu khoa học để nâng cao chất lượng giảng dạy, đào tạo đại học, sau đại học; Tích cực trong công tác xây dựng tập thể sư phạm vững mạnh, đoàn kết.

+ Thường xuyên và tích cực thực hiện công tác nghiên cứu khoa học giáo dục theo nguyên tắc gìn giữ đạo đức trong nghiên cứu khoa học; Tích cực trong công tác tham gia Hội thảo khoa học, báo cáo khoa học, công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học có uy tín trong và ngoài nước, góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả đào tạo giáo viên các hệ đại học, sau đại học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 11 năm 9 tháng (từ 09/2011 đến nay).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017-2018	0	0	0	11	608,7	0	608,7/891/224
2	2018-2019	0	0	0	10	656	0	656/900,6/224
3	2019-2020	0	0	1	7	620,3	45	665,3/905,3/256
03 năm học cuối								
4	2020-2021	0	0	0	4	517,5	75	517,5/763,8/256
5	2021-2022	0	0	1	1	535	30	565/986,3/320
6	2022-2023	0	0	1	1	480	135	615/753/320

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu (Lưu ý: Ghi rõ số giờ định mức cho giảng viên cơ hữu theo quy định của cơ sở giáo dục đại học).

### 3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: Nhật Bản; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc TSKH ; tại nước: Nhật Bản năm 2017

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): TOIEC (năm 2012)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trịnh Việt Đức		HVCH	Chính		2019-2020	Trường ĐH Sư Phạm – Đại học Đà Nẵng	QĐ số 1558/QĐ-ĐHSP Ngày 14/9/2020
2	Hoàng Minh Thiện		HVCH	Chính		2020-2021	Trường ĐH Sư Phạm – Đại học Đà Nẵng	QĐ số 1311/QĐ-ĐHSP Ngày 19/09/2022
3	Lê Ngân Hà		HVCN		Phụ	2021 - 2022	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	QĐ số 5545/QĐ-ĐHSPHN Ngày 09/12/2021

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<b>I Trước khi được công nhận TS</b>							
1	Khoa học môi trường đại cương	GT	NXB Giáo dục Việt Nam (2014) Mã số ISBN: 978-604-0-04655-0	04		Chương 7: Biến đổi khí hậu toàn cầu và ứng phó với biến đổi khí hậu (từ trang 134 đến 173)	Quyết định số 518/QĐ-ĐHSP ngày 29/10/2013
2	Sustainable Development and Disaster Risk Reduction	TK	Nhà xuất bản Springer-Nhật Bản, năm 2016 ISSN 2196-4106.	03	Tác giả chính của book chapter	Chương 17: Usefulness of a Sustainability Literacy Test (từ trang 265 – 277)	Quyết định số 1108/QĐ-ĐHSP ngày 26/6/2023
<b>II Sau khi được công nhận TS</b>							
3	Environmental Sustainability and Education for Waste Management - Implications for	TK	NXB: Springer ISSN: 2367-1769 Springer, năm 2019 ISSN: 2367-1769	03	Tác giả chính của book chapter	Chương 11: Solid Waste Management in Tourist Destinations in Developing Nations: Case	Quyết định số 1107/QĐ-ĐHSP ngày 26/6/2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	policy and practice					Studies in Hoi An, Vietnam, and Puncak, Indonesia (từ trang 189 – 206)	
4	The Political Economy of Education Reforms in Vietnam	TK	Nhà xuất bản Routledge, năm 2022 ISBN: 9781032155760	05	Tác giả chính của book chapter	Chương 15: Education Matters for Sustainable Development Reconsidering the: Environmental Education in Vietnamese General Education (từ trang 123 – 137)	Quyết định số 1106/QĐ-ĐHSP ngày 26/6/2023
5	Giáo dục và truyền thông môi trường	GT	Nhà xuất bản Đà Nẵng, năm 2023	07	Chủ biên	Phần biên soạn: Chương 1 và chương 2 (từ trang 5- 127);	Quyết định số 2274/QĐ-ĐHSP ngày 08/12/2021
6	Tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm thiên nhiên cho học sinh khối trung học cơ sở thành phố Đà Nẵng	TK	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2023 ISBN: 978-604-342-839-1	04	Chủ biên	Tất cả các chương	Quyết định số 1105/QĐ-ĐHSP ngày 26/6/2023

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [ ],.....

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	<b>Trước khi được công nhận PGS/TS</b>				

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

1	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng video hướng dẫn một số kỹ năng thao tác cơ bản và an toàn trong các phòng thí nghiệm Sinh học, trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng	CN	Mã số: T2012-03-03 và ĐH Sư phạm – Đại học Đà Nẵng	2011 - 2012	Nghiệm thu ngày 11/12/2012 Xếp loại kết quả: Khá
2	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng bộ tài liệu tập huấn nhằm nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu và thiên tai cho cộng đồng ngư dân thành phố Đà Nẵng	CN	Mã số: Đ2013-03-38 và Đại học Đà Nẵng	2013	Nghiệm thu ngày 12/09/2013 Xếp loại kết quả: Khá
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận PGS/TS</b>				
3	Đề tài: Xây dựng mô hình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên phổ thông theo hướng dạy học Tích hợp kiến thức về khoa học sự sống phù hợp với điều kiện tự nhiên khu vực duyên hải Nam Trung Bộ (nghiên cứu trường hợp ở Quảng Nam và Đà Nẵng)	Thành viên	Mã số: B2016-ĐNA- 20 và Bộ Giáo dục và Đào tạo	2016-2018	Nghiệm thu ngày 09/11/2018. Xếp loại kết quả: Đạt.
4	Đề tài: Xây dựng ebook tương tác về biến đổi khí hậu và thiên tai phục vụ giảng dạy cho sinh viên trường đại học Sư Phạm – Đại Học Đà Nẵng	CN	Mã số: T2018-ĐH-04 và ĐH Sư phạm – Đại học Đà Nẵng	2018 – 2019	Nghiệm thu ngày 11/10/2019 Xếp loại kết quả: Đạt
5	Đề tài: Xây dựng tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm thiên nhiên cho học sinh Trung học cơ sở, TP. Đà Nẵng	CN	Mã số: T2020-LK-01 và ĐH Sư phạm – Đại học Đà Nẵng	1/2020 – 12/2020	Nghiệm thu ngày 31/12/2020 Xếp loại kết quả: Đạt
6	Đề tài: Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí trường đại học bền vững ( <i>Sustainable Campus</i> ) cho Việt Nam	CN	Mã số: B2019-DNA- 02 và Bộ Giáo dục và Đào tạo	2019 – 2021	Nghiệm thu ngày 22/06/2021 Xếp loại kết quả: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận TS</b>							
1	Xây dựng mô hình truyền thông nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu và thiên tai cho ngư dân thành phố Đà Nẵng	02	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ - Đại học Đà Nẵng ISSN: 1859-1531			Số 10 (71), trang: 137-143	2013
2	The Contribution of Non-formal Education for Training Teachers in Education for Sustainable Development in Vietnam: A Case Study.	02	x	International Journal of Sustainability Education ISSN: 2325-1212	Scopus	3	Vol. 11(4), pp: 1-19	2015
3	Education for Sustainable Development in Vietnam: Lessons learned from teacher training	03	x	International Journal of Sustainability in Higher Education ISSN: 1467-6370	SSCI (Q1, IF=2.435)	62	Vol. 17 (6), pp: 853-874	2016
4	Involvement of NGOs in Training Teachers in Education for Sustainable Development in Vietnam: A Case Study	02	x	European Journal of Sustainable Development ISSN: 2239-5938	ESCI/Scopus	22	Vol 6 (1), pp: 153-166	2017

II	Sau khi được công nhận TS							
5	Transforming education in central Vietnam by integrated curriculum approach: from initiatives to sustainability	02	x	European Journal of Education Studies ISSN 2501 – 1111	(Biblioteca nationala a Romaniei)	1	Vol 3 (12), pp: 370-382	2017
6	Mô hình cải cách trong đào tạo giáo viên: từ thực tiễn thế giới đến Việt Nam	03	x	Tạp chí Khoa học và Giáo dục - Trường Đại học Sư Phạm – Đại học Đà Nẵng ISSN:1859-4603			Số 26 (05), trang: 74-81	2017
7	Áp dụng mô hình Know – Do – Be trong xây dựng chủ đề dạy học tích hợp tại trường đại học Sư phạm – đại học Đà Nẵng	03		Hội thảo Quốc gia Nâng cao năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông			Trang: 561-573	2017
8	Appling information communication technology (ICT) and Experiential learning in climate change education at Higher Education: A case study	01	x	Journal of Science – The University of Danang -University of Science and Education. ISSN:1859-4603			Vol. 8 (5), pp: 57-64	2018
9	Quy trình tích hợp giáo dục phát triển bền vững thông qua hoạt động trải nghiệm trong học phần “môi trường và con người” ở bậc đại học	03		Tạp chí Giáo dục – Bộ Giáo dục và đào tạo ISSN 2354-0753			Số 483 (Kỳ 1), trang: 50-54	2020
10	Thiết kế hoạt động trải nghiệm thiên nhiên phát triển năng lực giao tiếp	03		Tạp chí Giáo dục – Bộ Giáo dục và đào tạo		3	Số 492 (Kỳ 2), trang: 40-45	2020

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	và hợp tác cho học sinh cấp trung học cơ sở			ISSN 2354-0753				
11	Bộ tiêu chí đại học bền vững (sustainable campus): kinh nghiệm quốc tế và định hướng xây dựng bộ tiêu chí trường đại học bền vững ở Việt Nam	02	x	Tạp chí Khoa học Giáo dục – Đại học Sư phạm Hà Nội ISSN 2354-1075			Số 65 (9), trang: 114-155	2020
12	Promoting capacity in education research at lead teacher training universities	02	x	Tạp chí Giáo dục Việt Nam ISSN 2588-1477	(English version)		Số 4(2), trang: 7-17	2020
13	Youth Organizations' Promotion of Education for Sustainable Development Competencies: A Case Study	02	x	European Journal of Sustainable Development ISSN: 2239-5938	ESCI/Scopus	5	Vol 9(4), pp: 376-394	2020
14	Study on green extra curricular activities of universities in Da Nang	03	x	Hội thảo quốc tế “Giáo dục đại học Việt Nam và châu Á: Tương quan và cơ hội hợp tác” ISBN: 978-604-262-3	(English version)		Trang: 341-239	2020
15	Tích hợp biến đổi khí hậu vào chương trình đào tạo khoa học sức khỏe: kinh nghiệm thế giới và khả năng áp dụng tại Việt Nam	02	x	Tạp chí Khoa học Giáo dục – Đại học Sư phạm Hà Nội ISSN 2354-1075			Số 66 (3), trang: 24-33	2021
16	Giảm thiểu rủi ro thiên tai trong trường học: Nhận	03		Kỷ yếu hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ VI: Việt			Bài trình bày 335	2021

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

	thức của cán bộ quản lý cấp cơ sở về trường học an toàn ở miền Bắc, Việt Nam			Nam chủ động hội nhập và phát triển bền vững (Nhà xuất bản Khoa học Xã hội)				
17	Teachers' competencies in education for sustainable development in the context of Vietnam.	12	x	International Journal of Sustainability in Higher Education ISSN: 1467-6370	SSCI (Q1, IF= 3.677)	2	Vol. 23 No. 7, pp: 1730-1748	2022
18	Bringing Sectors Together in Da Nang, Vietnam: Participatory Systems Mapping	7	x	Journal of Urban Health ISSN: 1099-3460	SCIE (Q1, IF= 5.557)		Vol. 99 (4), pp: 760-769	2022
19	Assessing teacher training programs for the prevalence of sustainability in learning outcomes, learning content and didactic approaches	9		Journal of Cleaner Production ISSN: 0959-6526	SCIE (Q1, IF= 12.385)	5	Vol. 365 (2022) 132786	2022
20	Xây dựng khung lý thuyết về năng lực phát triển bền vững của sinh viên trong bối cảnh giáo dục vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam	03	x	Tạp chí Khoa học Giáo dục – Đại học Sư phạm Hà Nội ISSN 2354-1075			Số 67(5), trang: 29-41	2022
21	Đánh giá sự thay đổi nhận thức của học sinh phổ thông về phát triển bền vững	07		Tạp chí khoa học giáo dục Việt Nam ISSN: 2615-8957			Số 18(20), trang: 23-29	2022
22	Applying the systematic practice in developing	03	x	Tạp chí Khoa học Giáo dục – Đại học Sư phạm Hà Nội ISSN: 2354-1075	English issue		Số 68 (2A), trang: 147-156	2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	sustainable campus							
23	Tiếp cận khoa học công dân trong nghiên cứu khoa học: nghiên cứu tại Trường Đại Học Sư Phạm - Đại Học Đà Nẵng	01	x	Tạp chí Giáo dục – Bộ Giáo dục và đào tạo ISSN: 2354-0753			Số 23 (11), trang: 47-52	2023
24	Đánh giá hiện trạng phát thải khí nhà kính tại một số trường đại học ở Đà Nẵng	01	x	Tạp chí Khoa học Xã hội – Đại học Sư phạm Hà Nội ISSN: 2354-1067			Số 2, trang: 65-74	2023
25	Tiếp cận cộng đồng học tập chuyên môn trong nâng cao hiệu quả bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên mầm non	08		Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia 2022: Nâng cao chất lượng bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non, phổ thông ISBN: 978-604-337-868-9			Trang: 350 – 357	2023
26	Áp dụng lý thuyết thay đổi (Theory of change) để xây dựng chiến lược giáo dục công dân toàn cầu ở cấp mầm non	5	x	Tạp chí Giáo dục – Bộ Giáo dục và đào tạo ISSN 2254-0753			Số 23 (5), trang: 331-335	2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính/tác giả liên hệ sau TS: 04 bài: [5], [13], [17], và [18].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

### 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

### 7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

### 8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao bậc Đại học, chuyên ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Tham gia	Quyết định số 1192/QĐ-ĐHSP ngày 02/10/2017	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng		

2	Xây dựng chương trình đào tạo thuộc Đề án mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Thư ký	Quyết định số 1834/QĐ-ĐHSP ngày 30/11/2018	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng		
---	--	--------	--	--	--	--

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: .....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: .....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: .....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Đà Nẵng, ngày 26 tháng 06 năm 2023*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**



**KIỀU THỊ KÍNH**